



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
	Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
	Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Việt Thắng	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Trần Thị Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc

Thông tin về Công ty

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900189284 ngày 2 tháng 6 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức

Lợi nhuận thuần trước hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty là 2.487.832 triệu VND (2022: 5.460.661 triệu VND).

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Phê duyệt báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc

Hưng Yên, ngày 21 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 6 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00117-24-1



Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2024



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		1.952.862.915.275	8.656.002.782.392
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	140.727.541.395	139.679.224.341
Tiền	111		46.727.541.395	138.779.224.341
Các khoản tương đương tiền	112		94.000.000.000	900.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.723.200.000.000	4.232.221.643.835
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	12.1	1.723.200.000.000	4.232.221.643.835
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.797.808.095	4.247.610.046.782
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	21.408.154.792	44.794.876.008
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	5.158.517.332	16.558.547.617
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	350.200.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8.1	34.231.135.971	3.836.056.623.157
Tài sản ngắn hạn khác	150		28.137.565.785	36.491.867.434
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.1	26.599.963.581	25.345.437.749
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.111.952.104	9.999.319.883
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	15	425.650.100	1.147.109.802

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		70.033.739.172.711	64.965.356.115.511
Các khoản phải thu dài hạn	210		238.495.000.000	1.583.495.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	234.400.000.000	1.579.400.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	8.2	4.095.000.000	4.095.000.000
Tài sản cố định	220		89.971.855.877	121.652.852.641
Tài sản cố định hữu hình	221	9	79.533.592.271	91.260.633.806
Nguyên giá	222		190.164.283.764	173.893.497.371
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(110.630.691.493)	(82.632.863.565)
Tài sản cố định vô hình	227	10	10.438.263.606	30.392.218.835
Nguyên giá	228		30.402.518.840	49.560.433.840
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.964.255.234)	(19.168.215.005)
Bất động sản đầu tư	230	11	105.404.399.206	145.875.736.563
Nguyên giá	231		259.227.056.200	298.548.709.832
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(153.822.656.994)	(152.672.973.269)
Tài sản dở dang dài hạn	240		878.040.000	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		878.040.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	69.595.845.000.000	63.096.545.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		69.595.845.000.000	63.095.845.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	700.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		3.144.877.628	17.787.526.307
Chi phí trả trước dài hạn	261	13.2	3.144.877.628	17.787.526.307
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		71.986.602.087.986	73.621.358.897.903

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		1.185.506.910.198	5.295.951.986.521
Nợ ngắn hạn	310		1.185.506.910.198	5.295.951.986.521
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	33.188.675.961	11.749.512.234
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	16.679.109.917	1.545.454.155
Phải trả người lao động	314		3.592.060.863	2.530.195.062
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	111.111.111	31.277.739.505
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.203.074.994	3.819.784.864
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	10.118.430.068	6.875.090.610
Vay ngắn hạn	320		-	3.833.307.693.293
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	1.118.614.447.284	1.404.846.516.798
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		70.801.095.177.788	68.325.406.911.382
Vốn chủ sở hữu	410	19	70.801.095.177.788	68.325.406.911.382
Vốn cổ phần	411	20	58.147.857.000.000	58.147.857.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		58.147.857.000.000	58.147.857.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.211.560.416.270	3.211.560.416.270
Quỹ đầu tư phát triển	418		790.996.872.665	803.140.822.060
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.650.680.888.853	6.162.848.673.052
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		6.162.848.673.052	702.187.674.687
- LNST năm nay	421b		2.487.832.215.801	5.460.660.998.365
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		71.986.602.087.986	73.621.358.897.903

Ngày 21 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Diệu Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	269.467.756.141	144.354.518.919
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	146.763.958.005	105.764.107.461
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		122.703.798.136	38.590.411.458
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	2.753.142.716.506	6.024.895.296.275
<i>Trong đó: lợi nhuận công ty con chuyển về</i>			2.483.067.264.236	5.723.879.314.282
Chi phí tài chính	22	25	144.038.087.651	328.849.359.273
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		143.338.073.560	220.079.424.136
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	225.534.330.363	163.593.897.510
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		2.506.274.096.628	5.571.042.450.950
Thu nhập khác	31		28.935.633	2.000.000.800
Chi phí khác	32		34.837.319	23.906.393.532
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(5.901.686)	(21.906.392.732)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.506.268.194.942	5.549.136.058.218
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	18.435.979.141	88.475.059.853
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		2.487.832.215.801	5.460.660.998.365

Ngày 21 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Diệu Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		2.506.268.194.942	5.549.136.058.218
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		45.308.133.675	34.388.297.496
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	73.345.304.823
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.803.442.699.157)	(6.026.894.793.150)
Chi phí lãi vay	06		143.338.073.560	220.079.424.136
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(108.528.296.980)	(149.945.708.477)
Biến động các khoản phải thu	09		79.616.522.447	(79.997.328.350)
Biến động hàng tồn kho	10		-	35.000.000
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		25.497.421.925	(55.245.348.263)
Biến động chi phí trả trước	12		(5.182.657.492)	20.457.842.450
			(8.597.010.100)	(264.695.542.640)
Tiền lãi vay đã trả	14		(157.293.449.116)	(197.777.824.816)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.455.023.636)	(88.166.124.046)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(297.732.043.909)	(210.741.492.980)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(465.077.526.761)	(761.380.984.482)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(23.651.952.126)	(59.989.041.078)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		144.338.649.013	2.000.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(3.138.200.000.000)	(9.850.921.643.835)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		7.342.421.643.835	5.978.300.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(6.500.000.000.000)	(4.617.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và lợi nhuận từ các công ty con	27		6.474.573.696.735	10.042.360.888.951
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.299.482.037.457	1.494.750.204.038

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	760.000.000.000	4.549.500.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.593.307.693.293)	(3.610.461.538.039)
Tiền trả cổ tức	36	(48.500.349)	(2.236.203.415.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.833.356.193.642)	(1.297.164.953.039)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	1.048.317.054	(563.795.733.483)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	139.679.224.341	703.474.108.767
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	849.057
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70 4	140.727.541.395	139.679.224.341

Ngày 21 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Diệu Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1 Đơn vị báo cáo

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

1.2 Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, quảng cáo, mua bán các sản phẩm thép và đầu tư tài chính.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

1.4 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 5 công ty con cấp 1 (1/1/2023: 5 công ty con cấp 1) được liệt kê trong Thuyết minh 12.2.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 127 nhân viên (1/1/2023: 110 nhân viên).

2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

2.1 Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

2.2 Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3 Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

3.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3.3 Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(b) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) **Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

3.4 **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong năm.

3.5 **Tài sản cố định hữu hình**

(a) **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(b) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3.6 Tài sản cố định vô hình

(a) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(b) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 6 năm.

3.7 Bất động sản đầu tư cho thuê

(a) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 năm

3.8 Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

3.9 Chi phí trả trước dài hạn

(a) Chi phí sửa chữa văn phòng

Chi phí sửa chữa văn phòng bao gồm các chi phí liên quan đến việc sửa chữa, thay thế các công trình hạng mục của văn phòng Công ty. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong thời gian 3 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(c) Chi phí làm thủ tục vay

Chi phí làm thủ tục vay bao gồm các chi phí dàn xếp, chi phí đảm bảo và phí đại lý. Chi phí làm thủ tục vay được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong thời gian của khoản vay.

3.10 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.11 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần giá phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

3.12 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

3.13 Doanh thu và thu nhập khác

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(b) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(c) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian, dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

3.14 Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

3.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3.17 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4 Tiền và các khoản tương đương tiền

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	597.141.307	729.594.079
Tiền gửi ngân hàng	46.130.400.088	138.049.630.262
Các khoản tương đương tiền	94.000.000.000	900.000.000
	140.727.541.395	139.679.224.341
	140.727.541.395	139.679.224.341

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền bằng ngoại tệ

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	446	10.224.846	827	19.030.027
		10.224.846		19.030.027
		10.224.846		19.030.027

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan:

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty con		
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	5.653.738.361	7.985.077.067
Công ty cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	5.595.505.660	17.049.906.673
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	3.234.135.533	4.209.366.336
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	2.847.470.888	1.661.728.640
Công ty Cổ phần Điện máy gia dụng Hòa Phát Hà Nam	2.058.360.592	929.405.729
Các bên liên quan khác	2.014.565.101	12.944.264.654
Bên khác		
Các khách hàng khác	4.378.657	15.126.909
	<hr/>	
	21.408.154.792	44.794.876.008
	<hr/>	

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 – 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

6 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Trả trước cho người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan:

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Bên khác		
Công ty TNHH Tổng công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	-	3.097.909.860
Công ty CP Du lịch và tiếp thị GTVT Việt Nam – Vietravel - Chi nhánh Hà Nội	-	3.489.606.150
Các nhà cung cấp khác	5.158.517.332	9.971.031.607
	<hr/>	
	5.158.517.332	16.558.547.617
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7 Phải thu về cho vay dài hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Bên liên quan		
<i>Công ty con</i>		
Công ty CP Vận tải biển Hòa Phát	115.000.000.000	650.000.000.000
Công ty CP Điện máy gia dụng Hòa Phát Hà Nam	79.400.000.000	7.400.000.000
Công ty TNHH Phụ Kiện Cơ Khí Hoà Phát	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty CP Điện lạnh Hòa Phát Phú Mỹ	-	382.000.000.000
Công ty TNHH chăn nuôi Hoà Phát Quảng Bình	-	155.000.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Hùng	-	145.000.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Đồng Phát	-	83.000.000.000
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	-	60.000.000.000
Công ty TNHH MTV Thép Dự Ứng Lực Hòa Phát	-	57.000.000.000
	234.400.000.000	1.579.400.000.000

Các khoản cho vay bằng VND, không được đảm bảo, rút gốc linh hoạt cấp cho các công ty con của Công ty. Trong năm, các khoản cho vay này hưởng mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn của ngân hàng thương mại. (2022: lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn của ngân hàng thương mại).

8 Phải thu khác**8.1 Phải thu ngắn hạn khác***(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác chi tiết theo khoản mục:*

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	3.650.000.000.000
Tiền lãi dự thu	15.579.911.768	119.656.247.571
Phải thu từ thanh toán hộ bên liên quan	16.886.609.540	64.472.957.788
Phải thu khác	1.764.614.663	1.927.417.798
	34.231.135.971	3.836.056.623.157

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản phải thu ngắn hạn khác chi tiết theo đối tượng:

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Bên liên quan		
<i>Công ty con</i>		
Công ty CP Gang thép Hòa Phát	-	1.930.000.000.000
Công ty CP Sản phẩm thép Hòa Phát	-	1.000.000.000.000
Công ty CP Điện máy Gia dụng Hòa Phát	-	50.039.171.093
Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát	-	375.682.126.000
Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	-	300.034.395.002
Các công ty con khác	16.886.609.540	56.554.356.198
Bên khác		
Các bên khác	17.344.526.431	123.746.574.864
	34.231.135.971	3.836.056.623.157
	34.231.135.971	3.836.056.623.157

8.2 Phải thu dài hạn khác

Phải thu dài hạn khác bao gồm các khoản ký quỹ, ký cược có thời gian thu hồi trên 12 tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	6.884.450.941	6.578.681.745	80.632.554.417	79.797.810.268	173.893.497.371
Tăng trong năm	-	-	-	19.029.736.986	19.029.736.986
Thanh lý và xóa sổ	-	(615.955.900)	(565.202.954)	(1.577.791.739)	(2.758.950.593)
Số dư cuối năm	6.884.450.941	5.962.725.845	80.067.351.463	97.249.755.515	190.164.283.764
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.342.594.855	5.435.753.490	36.701.036.419	37.153.478.801	82.632.863.565
Khấu hao trong năm	688.445.976	245.818.368	10.141.488.900	19.672.850.959	30.748.604.203
Thanh lý và xóa sổ	-	(615.955.900)	(565.202.954)	(1.569.617.421)	(2.750.776.275)
Số dư cuối năm	4.031.040.831	5.065.615.958	46.277.322.365	55.256.712.339	110.630.691.493
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	3.541.856.086	1.142.928.255	43.931.517.998	42.644.331.467	91.260.633.806
Số dư cuối năm	2.853.410.110	897.109.887	33.790.029.098	41.993.043.176	79.533.592.271

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản với nguyên giá 48.842 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 48.452 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	28.755.408.500	20.805.025.340	49.560.433.840
Tăng trong năm	-	422.085.000	422.085.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	6.420.000.000	6.420.000.000
Thanh lý	(26.000.000.000)	-	(26.000.000.000)
Số dư cuối năm	2.755.408.500	27.647.110.340	30.402.518.840
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	19.168.215.005	19.168.215.005
Khấu hao trong năm	-	796.040.229	796.040.229
Số dư cuối năm	-	19.964.255.234	19.964.255.234
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	28.755.408.500	1.636.810.335	30.392.218.835
Số dư cuối năm	2.755.408.500	7.682.855.106	10.438.263.606

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản với nguyên giá 18.904 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 18.904 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11 Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	298.548.709.832
Thanh lý	(39.321.653.632)
	<hr/>
Số dư cuối năm	259.227.056.200
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	152.672.973.269
Khấu hao trong năm	14.495.039.243
Thanh lý	(13.345.355.518)
	<hr/>
Số dư cuối năm	153.822.656.994
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	145.875.736.563
Số dư cuối năm	105.404.399.206
	<hr/>

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà văn phòng tại số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tại ngày báo cáo, Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12 Các khoản đầu tư tài chính

12.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	1.723.200.000.000	1.723.200.000.000	4.232.221.643.835	4.232.221.643.835

Các khoản tiền gửi này có kỳ hạn không quá 12 tháng tại ngân hàng, hưởng lãi suất từ 5,5% đến 9,2%/năm (1/1/2023: từ 4,5% đến 6,5%/năm).

///VN U + A

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023			1/1/2023			
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:							
Công ty con							
Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	99,999%	99,999%	3.099.975.000.000	99,999%	99,999%	3.099.975.000.000	
Công ty CP Gang thép Hòa Phát (i)	99,988%	99,988%	53.999.220.000.000	99,998%	99,998%	47.499.220.000.000	
Công ty CP Sản phẩm thép Hòa Phát	99,994%	99,994%	5.499.650.000.000	99,994%	99,994%	5.499.650.000.000	
Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát	99,900%	99,900%	5.998.000.000.000	99,967%	99,967%	5.998.000.000.000	
Công ty CP Điện máy Gia dụng Hòa Phát	99,900%	99,900%	999.000.000.000	99,900%	99,900%	999.000.000.000	
			<u>69.595.845.000.000</u>			<u>63.095.845.000.000</u>	
Đơn vị khác							
Công ty CP Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội	-	-	-	7%	7,99%	700.000.000	
			<u>69.595.845.000.000 (*)</u>			<u>63.096.545.000.000 (*)</u>	

(i) Ngày 15 tháng 6 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua nghị quyết tăng vốn góp 6.500 tỷ VND vào Công ty CP Gang thép Hòa Phát. Trong năm 2023, Công ty đã góp đủ tổng vốn bổ sung đã cam kết.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con và đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13 Chi phí trả trước

13.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí quảng cáo	7.956.026.000	9.191.040.230
Chi phí thuê văn phòng	15.370.685.679	10.062.163.636
Chi phí dân xếp khoán vay	-	5.416.434.139
Chi phí khác	3.273.251.902	675.799.744
	<u>26.599.963.581</u>	<u>25.345.437.749</u>

13.2 Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí làm thủ tục vay VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.033.181.302	13.154.346.200	571.232.312	17.787.526.307
Tăng trong năm	47.546.000	-	126.000.000	1.440.710.500
Phân bổ trong năm	(364.158.348)	(13.154.346.200)	(516.045.816)	(16.083.359.179)
Số dư cuối năm	716.568.954	-	181.186.496	3.144.877.628

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14 Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Bên liên quan	-	9.172.000
Bên khác		
Công ty cổ phần Thương mại In Nhật Nam	4.247.069.658	4.124.705.760
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo Song Thành công	2.020.340.000	252.000.000
Công ty TNHH Quảng cáo và Truyền thông Trí Việt	1.786.533.520	-
Các nhà cung cấp khác	25.134.732.783	7.363.634.474
	<hr/>	<hr/>
	33.188.675.961	11.749.512.234

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15 Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2023		31/12/2023		
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phát sinh trong năm Số đã nộp trong năm VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	425.650.100	42.218.630	2.105.536.901	425.650.100	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	254.819.135	11.753.811.294	-	419.614.114
Thuế thu nhập doanh nghiệp	721.459.702	-	18.435.979.141	-	16.259.495.803
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	1.248.416.390	5.763.675.008	-	-
Tiền thuế đất	-	-	397.329.722	-	-
Thuế, phí khác	-	-	39.256.363	-	-
	1.147.109.802	1.545.454.155	38.495.588.429	425.650.100	16.679.109.917

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	31.277.739.505
Chi phí phải trả khác	111.111.111	-
	111.111.111	31.277.739.505
	111.111.111	31.277.739.505

17 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Cổ tức phải trả	850.262.631	898.762.980
Phải trả khác	9.268.167.437	5.976.327.630
	10.118.430.068	6.875.090.610
	10.118.430.068	6.875.090.610

18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2023	2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.404.846.516.798	802.082.260.130
Trích lập trong năm (Thuyết minh 19)	-	761.000.000.000
Sử dụng trong năm	(286.232.069.514)	(158.235.743.332)
	1.118.614.447.284	1.404.846.516.798
Số dư cuối năm	1.118.614.447.284	1.404.846.516.798

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19 Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	44.729.227.060.000	3.211.560.416.270	891.907.691.966	17.118.278.967.687	65.950.974.135.923
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	5.460.660.998.365	5.460.660.998.365
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	13.418.629.940.000	-	-	(13.418.629.940.000)	-
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(2.236.461.353.000)	(2.236.461.353.000)
Phân bổ vào quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(761.000.000.000)	(761.000.000.000)
Sử dụng trong năm	-	-	(88.766.869.906)	-	(88.766.869.906)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	58.147.857.000.000	3.211.560.416.270	803.140.822.060	6.162.848.673.052	68.325.406.911.382
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.487.832.215.801	2.487.832.215.801
Sử dụng trong năm	-	-	(12.143.949.395)	-	(12.143.949.395)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	58.147.857.000.000	3.211.560.416.270	790.996.872.665	8.650.680.888.853	70.801.095.177.788

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20 Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	5.814.785.700	58.147.857.000.000	5.814.785.700	58.147.857.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.814.785.700	58.147.857.000.000	5.814.785.700	58.147.857.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.814.785.700	58.147.857.000.000	5.814.785.700	58.147.857.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động của vốn cổ phần trong năm.

21 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Cam kết hợp đồng thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng một năm	49.036.792.980	46.001.662.380
Trong vòng hai đến năm năm	207.860.483.170	184.054.649.520
Sau năm năm	154.971.391.970	1.909.554.350
	411.868.668.120	231.965.866.250

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, dịch vụ đã cung cấp và cho thuê tài sản không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2023 VND	2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Cung cấp dịch vụ	94.813.792.505	112.617.318.919
▪ Hoạt động bất động sản	174.653.963.636	31.737.200.000
	<u>269.467.756.141</u>	<u>144.354.518.919</u>

23 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2023 VND	2022 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Dịch vụ đã cung cấp	78.946.450.831	91.116.383.181
▪ Hoạt động bất động sản	67.817.507.174	14.647.724.280
	<u>146.763.958.005</u>	<u>105.764.107.461</u>

24 Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	228.721.258.340	301.015.478.868
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con	2.483.067.264.236	5.723.879.314.282
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	41.354.193.930	503.125
	<u>2.753.142.716.506</u>	<u>6.024.895.296.275</u>

25 Chi phí tài chính

	2023 VND	2022 VND
Chi phí đi vay	143.338.073.560	220.079.424.136
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.091	35.424.630.314
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	73.345.304.823
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư tài chính	700.000.000	-
	<u>144.038.087.651</u>	<u>328.849.359.273</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	36.183.988.796	30.630.955.899
Phân bổ chi phí sửa chữa văn phòng, công cụ và dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác	6.821.208.587	2.556.315.001
Chi phí khấu hao	29.557.989.724	18.485.468.508
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.616.491.465	54.069.957.922
Phí kiểm toán báo cáo tài chính	972.700.000	885.800.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	73.381.951.791	56.965.400.180
	225.534.330.363	163.593.897.510

27 Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	36.183.988.796	30.630.955.899
Chi phí khấu hao	45.308.133.675	34.388.297.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	164.101.746.175	147.369.433.283
Chi phí khác	126.704.419.722	56.969.318.293

28 Thuế thu nhập

28.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2023 VND	2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp “TNDN” hiện hành		
Kỳ hiện hành	18.435.979.141	-
Dự phòng thiếu kỳ trước	-	88.475.059.853
Chi phí thuế TNDN	18.435.979.141	88.475.059.853

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.506.268.194.942	5.549.136.058.218
Chi phí không được khấu trừ	68.771.667.195	48.498.996.274
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con sau thuế TNDN	(2.483.067.264.236)	(5.723.879.314.282)
Lợi ích của lỗ tính thuế chưa được ghi nhận	207.297.804	126.244.259.790
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	92.179.895.705	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.435.979.141	-
Dự phòng thiếu kỳ trước	-	88.475.059.853
Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.435.979.141	88.475.059.853

28.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

	31/12/2023		1/1/2023	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	126.451.557.594	25.290.311.519	126.244.259.790	25.248.851.958

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2027	Chưa quyết toán	126.244.259.790
2028	Chưa quyết toán	207.297.804
		<u>126.451.557.594</u>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích tính thuế của khoản mục đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**28.4 Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

29 Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Công ty con		
Công ty CP Gang thép Hòa Phát		
Lợi nhuận được chia từ công ty con	1.073.229.240.558	3.283.779.314.282
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	3.003.229.240.558	7.353.779.314.282
Góp vốn	6.500.000.000.000	-
Công ty CP Sản phẩm Thép Hòa Phát		
Lợi nhuận được chia từ công ty con	1.386.503.080.705	1.423.100.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	2.386.503.080.705	1.223.100.000.000
Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát		
Góp vốn	-	4.000.000.000.000
Lợi nhuận được chia từ công ty con	-	370.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	370.000.000.000	-
Các khoản cho vay	-	300.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	300.000.000.000
Công ty CP Điện máy Gia dụng Hòa Phát		
Góp vốn	-	617.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	58.334.942.973	-
Lợi nhuận được chia từ công ty con	8.334.942.973	50.000.000.000
Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát		
Lợi nhuận được chia từ công ty con	15.000.000.000	597.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	315.000.000.000	297.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	1.243.750.000	1.108.048.651
Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông		
Cung cấp dịch vụ	1.846.883.153	1.821.009.079
Các khoản cho vay	-	28.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	28.000.000.000
Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương		
Cung cấp dịch vụ	25.932.117.255	40.194.827.874

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Công ty CP Thép Hoà Phát Dung Quất		
Cung cấp dịch vụ	15.698.269.137	19.652.032.260
Các khoản cho vay	50.000.000.000	227.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	177.000.000.000	100.000.000.000
Các khoản vay	450.000.000.000	-
Thanh toán khoản vay	450.000.000.000	-
Công ty TNHH Thép Hoà Phát Hưng Yên		
Cung cấp dịch vụ	21.453.699.642	18.636.238.169
Công ty TNHH Ống thép Hoà Phát		
Cung cấp dịch vụ	14.250.342.723	15.257.996.657
Các khoản cho vay	320.000.000.000	382.300.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	320.000.000.000	382.300.000.000
Các khoản vay	184.400.000.000	-
Thanh toán khoản vay	184.400.000.000	-
Công ty TNHH Tôn Hoà Phát		
Cung cấp dịch vụ	20.278.313.618	21.963.092.413
Các khoản cho vay	-	95.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	95.000.000.000
Công ty TNHH Chế tạo Kim loại Hoà Phát		
Các khoản cho vay	-	150.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	2.465.775.870	2.436.860.128
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	116.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	150.000.000.000
Công ty TNHH Điện lạnh Hoà Phát		
Cung cấp dịch vụ	3.879.677.933	5.157.099.809
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	15.974.916.636
Mua hàng hóa dịch vụ	1.472.727	16.607.742
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hoà Phát		
Cung cấp dịch vụ	2.655.071.349	2.671.939.543
Các khoản cho vay	-	1.402.170.000.000
Thanh toán khoản vay	-	1.402.170.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	805.244.349.481

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Công ty CP Vận tải biển Hòa Phát		
Cung cấp dịch vụ	115.564.590	91.506.106
Các khoản cho vay	310.000.000.000	310.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	935.000.000.000	300.000.000.000
Công ty TNHH MTV Ống Thép Hòa Phát Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	-	1.050.634.209
Công ty TNHH MTV Ống Thép Hòa Phát Long An		
Cung cấp dịch vụ	-	217.704.187
Công ty TNHH Harmonia		
Mua hàng hóa dịch vụ	322.133.434	2.760.274.240
Công ty TNHH Thép dây Hòa Phát		
Cung cấp dịch vụ	97.623.061	81.383.881
Mua hàng hóa dịch vụ	-	25.150.000
Công ty TNHH Chế tạo cơ khí Hòa Phát		
Cung cấp dịch vụ	-	557.881.365
Công ty TNHH MTV Thép dự ứng lực Hòa Phát		
Cung cấp dịch vụ	42.718.434	34.264.672
Các khoản cho vay	-	57.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	57.000.000.000	-
Công ty TNHH Thép Cán nguội Hòa Phát		
Các khoản vay	75.600.000.000	-
Thanh toán khoản vay	75.600.000.000	-
Công ty CP Golden Gain Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	125.008.758	124.203.259
Công ty CP Xây dựng Long Việt		
Cung cấp dịch vụ	2.669.801.236	2.627.464.713
Mua hàng hóa dịch vụ	926.722.500	1.572.114.500
Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát		
Cung cấp dịch vụ	1.854.170.978	1.839.011.227

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023	2022
	VND	VND
<i>Công ty CP Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	3.020.603.949	2.981.571.466
<i>Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên</i>		
Cung cấp dịch vụ	1.496.106.140	1.491.891.179
Các khoản cho vay	-	70.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	70.000.000.000
<i>Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai</i>		
Cung cấp dịch vụ	-	773.304.380
<i>Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình</i>		
Các khoản cho vay	70.000.000.000	328.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	358.200.000.000	39.800.000.000
<i>Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Hùng</i>		
Các khoản cho vay	-	200.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	145.000.000.000	55.000.000.000
<i>Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước</i>		
Cung cấp dịch vụ	90.000.000	342.803.745
<i>Công ty TNHH Chăn nuôi Thái Thụy</i>		
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	10.000.000.000	-
<i>Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ</i>		
Các khoản cho vay	-	100.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	60.000.000.000	40.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	1.447.995.382	1.447.253.571
Mua hàng hóa dịch vụ	75.678.300	82.407.000
<i>Công ty TNHH Chăn nuôi Đồng Phát</i>		
Các khoản cho vay	-	165.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	83.000.000.000	237.000.000.000
<i>Công ty CP Sản xuất Container Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	-	16.292.610
Các khoản cho vay	30.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	30.000.000.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023	2022
	VND	VND
Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát Hà Nội		
Cung cấp dịch vụ	114.474.550	104.987.969
Các khoản vay	50.000.000.000	-
Thanh toán khoản vay	50.000.000.000	-
Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ	-	44.905.600
Công ty TNHH Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên		
Các khoản vay	-	697.380.000.000
Thanh toán khoản vay	-	697.380.000.000
Công ty TNHH Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Hòa Mạc		
Các khoản vay	-	81.150.000.000
Thanh toán khoản vay	-	81.150.000.000
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ thương mại Hà Nội		
Các khoản vay	-	19.300.000.000
Thanh toán khoản vay	-	19.300.000.000
Công ty CP Điện lạnh Hòa Phát Phú Mỹ		
Các khoản cho vay	25.000.000.000	382.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	407.000.000.000	-
Công ty CP Điện máy gia dụng Hòa Phát Hà Nam		
Các khoản cho vay	183.000.000.000	7.400.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	111.000.000.000	-
Cung cấp dịch vụ	3.271.803.519	1.315.719.329
Mua hàng hóa dịch vụ	56.011.966	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thành phố mới		
Cung cấp dịch vụ	-	1.224.875
Mua hàng hóa dịch vụ	702.206.981	-
Công ty TNHH Phụ kiện cơ khí Hòa Phát		
Các khoản cho vay	-	40.000.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Thành viên của Hội đồng Quản trị		
Thù lao	66.220.000.000	-
Ban Giám đốc		
Lương và thưởng	3.591.800.000	5.262.000.000
Thành viên của Ban Kiểm soát		
Thù lao, lương và thưởng	2.516.589.890	2.238.830.339
Cán bộ quản lý chủ chốt khác		
Trong đó lương và thưởng	1.193.588.360	2.612.084.207

30 Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và tài chính

	2023 VND	2022 VND
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	13.418.629.940.000

31 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Diệu Linh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh
 Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng
 Tổng Giám đốc